

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



I U L
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU
THỰC PHẨM NAN GIANG

(Ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-HC/2021 ngày 18/6/2021)

M C L C

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I UL	5
i u 1. Gi i thích thu t ng	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N, A I M KINH DOANH, TH I H NHO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY	6
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, a i m kinh doanh và th i h n ho t ng c a Công ty	6
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.....	6
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	7
i u 4. M c tiêu ho t ng c a Công ty	7
i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty.....	7
IV. V N I UL , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	8
i u 6. V n i ul , c ph n, c ông sáng l p	8
i u 7. Ch ng nh n c phi u	8
i u 8. Ch ng ch ch ng khoán khác.....	9
i u 9. Chuy n nh ng c ph n	9
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT.....	9
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	9
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....	9
i u 11. Quy n c a c ông.....	9
i u 12. Ngh a v c a c ông.....	11
i u 13. I h i ng c ông	11
i u 14. Quy n và ngh a v c a i h i ng c ông	13
i u 15. y quy n tham d h p i h i ng c ông	14
i u 16. Thay i các quy n.....	15
i u 17. Tri ut p h p, ch ng trình h p và thông báo m i h p i h i ng c ông.....	15
i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông.....	17
i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i cu ch p i h i ng c ông.....	17
i u 20. i u ki n Ngh quy t c a i h i ng c ông c thông qua	19
i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ông	19
i u 22. Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông.....	21

i u 23. Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	22
VII. H I NG QU N TR	22
i u 24. ng c , c thành viên H i ng qu n tr	22
i u 25. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	23
i u 26. Quy n h n và ngh a v c a H i ng qu n tr	23
i u 27. Thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr	25
i u 28. Ch t ch H i ng qu n tr	25
i u 29. Cu c h p c a H i ng qu n tr	26
i u 30. Các ti u ban thu c H i ng qu n tr	29
i u 31. Ng i ph trách qu n tr công ty	29
VIII. T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC.....	30
i u 32. T ch c b máy qu n lý.....	30
i u 33. Ng i i u hành Doanh nghi p	30
i u 34. B nhi m, mi n nhi m, quy n và ngh a v c a T ng Giám c	30
i u 35. Th ký Công ty.....	31
IX. BAN KI M SOÁT	31
i u 36. ng c , c thành viên Ban ki m soát (Thành viên Ban ki m soát).....	31
i u 37. Thành ph n Ban Ki m soát	31
i u 38. Tr ng Ban ki m soát	32
i u 39. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát	32
i u 40. Cu c h p c a Ban ki m soát.....	33
i u 41. Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát	33
X. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC	34
i u 42. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	34
i u 43. Trách nhi m v thi th i và b i th ng.....	35
XI. QUY N TRAC US SÁCH VÀ H S CÔNG TY.....	35
i u 44. Quy n tra c u s sách và h s	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN	36
i u 45. Công nhân viên và công oàn	36
XIII. PHÂN PH I L I NHU N.....	36
i u 46. Phân ph i l i nhu n.....	36

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NỢ M TÀI CHÍNH VÀ CHIẾU KẾ TOÁN.....	37
điều 47. Tài khoản ngân hàng	37
điều 48. Nợ tài chính	37
điều 49. Chiếu kế toán.....	37
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	37
điều 51. Báo cáo thường niên.....	38
XVI. KẾ M TỐÁN CÔNG TY.....	38
điều 52. Kế m toán	38
XVII. D U C A DOANH NGHIỆP.....	38
điều 53. D u c a doanh nghiệp	38
XVIII. GI Í TH CÔNG TY.....	38
điều 54. Gi í th công ty	38
điều 55. Thanh lý.....	39
XIX. GI Í QUY T TRAH CH P N I B	39
điều 56. Gi í quy t trah ch p n i b	39
XX. B SUNG VÀ S A I I U L	40
điều 57. i u l công ty	40
XXI. NGÀY HI U L C.....	40
điều 58. Ngày hi u l c	40

PHỤ LỤC

Quy định này được thông qua theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên năm 2021 được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Hội đồng Công ty số 1234, Trụ sở Công ty, phường Bình Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

I. NỘI DUNG CÁC THUẬT NGỮ TRONG QUY ĐỊNH

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy định này, thuật ngữ được định nghĩa như sau:

- a) *Vốn đầu tư* là tổng mệnh giá cổ phiếu đã bán hoặc chứng khoán mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Quy định này;
- b) *Vốn có quy định* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quy định về việc thu nhập quy định của Hội đồng;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị pháp lý) liên quan;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng công hoc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, thực thể quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Công nhân* là cá nhân, thực thể sử dụng ít nhất một phần của công ty cổ phần;
- k) *Công suất lập* là công suất sử dụng ít nhất một phần thông tin và ký tên trong danh sách công suất lập công ty cổ phần;
- l) *Công nợ* là công nợ quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty quy định tại Điều 2 Quy định này;
- n) *Sơ giao dịch chứng khoán* là Sơ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Quy định này, các tham chiếu từ một tài liệu quy định khác bao gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy định này) được sử dụng nhằm mục đích chỉ định nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Quy định này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ẢI M KINH DOANH, THỊ HIỆN HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, a i m kinh doanh và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty vi t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N XU T NH P KH U TH Y S N AN GIANG

- Tên Công ty vi t b ng ti ng n c ngoài: AN GIANG FISHERIES IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty vi t t t: AGIFISH CO

2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty:

- a ch tr s chính: S 1234 Tr n H ng o, Ph ng Bình c, Thành ph Long Xuyên - t nh An Giang.

- i n tho i: (0296) 3852 939 – 3852 368

- Fax: (0296) 3852 202

- E-mail: agifish.co@agifish.com.vn

- Website: www.agifish.com.vn

4. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

5. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n quy nh t i kho n 2 i u 54, th i h n ho t ng c a Công ty là vô th i h n. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty

i u 3: Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty

Công ty có 01 ng i i di n theo pháp lu t là T ng Giám c

Ng i i di n theo pháp lu t c a công ty là cá nhân i di n cho công ty th c hi n các quy n và ngh a v phát sinh t giao d ch c a công ty, i di n cho công ty v i t cách nguyên n, b n, ng i có quy n l i, ngh a v liên quan tr c Tr ng tài, Tòa án. Trách nhi m c a ng i i di n theo pháp lu t th c hi n theo i u 13 c a Lu t Doanh nghi p và các quy n, ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ph i c trú Vi t Nam; và ph i y quy n b ng v n b n cho ng i khác th c hi n quy n và ngh a v c a ng i i di n theo pháp lu t t i Công ty khi xu t c nh kh i Vi t Nam.

Trên hợp phần này quy định mà ngành đi theo pháp luật của công ty chỉ là Việt Nam và không có quy định khác thì ngành đi quy định và nội dung các quy định và ngành đi theo pháp luật của công ty trong phạm vi lãnh thổ quy định cho ngành đi theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho ngành đi khi HQT quy định ngành đi khác thay thế.

Trên hợp phần này quy định mà không quy định cho ngành đi khác thì nội dung các quy định và nội dung ngành đi theo pháp luật của Công ty thì HQT sẽ quy định khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HO TÊN CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thực phẩm và các sản phẩm thực phẩm (Mã ngành 1020 (Chính));
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Bán buôn thực phẩm (Mã ngành 4633);
- Sản xuất thực phẩm, hoá chất và dược phẩm (Mã ngành 2100);
- Sản xuất thực phẩm gia súc, gia cầm và thực phẩm (Mã ngành 1080);
- Lắp đặt thiết bị (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt thiết bị, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Nuôi trồng thực vật (Mã ngành 0322);
- Chuồng nuôi gia súc (Mã ngành 4312);
- Xây dựng nhà các loại (Mã ngành 4100);
- Hoạt động xây dựng chuyên nghiệp khác (Mã ngành 4390);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã ngành 4659);
- Kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị thực hiện, chế tạo đồ nội thất (Mã ngành 6810);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Mã ngành 8299);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Cho thuê xe có người lái (Mã ngành 7710);
- Bán buôn thực phẩm (Mã ngành 4632);

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu của Công ty là duy trì và sản xuất hàng hóa có hiệu quả kinh tế. Không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, tối ưu lợi nhuận, nâng cao sức mạnh ngành lao động trong Công ty, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các công nhân, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định trong Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã

công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trên hệ thống Công ty kinh doanh ngành nghề và kinh doanh có vốn đầu tư, Công ty phi lợi nhuận và vốn đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].

IV. VỐN ĐẦU TƯ, CẤU TRÚC VÀ CÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn đầu tư, cấu trúc và công sáng lập

1. Vốn đầu tư của Công ty là 281.097.430.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi mốt triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn)

Tổng số vốn đầu tư của Công ty được chia thành 28.109.743 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn đầu tư khi cần thiết thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quy định và nghĩa vụ của công nhân viên tập thể theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5 Công ty không có công sáng lập.

Cổ phần phổ thông phải ưu tiên chào bán cho các công nhân viên theo tỷ lệ tương ứng với số vốn đầu tư của họ trong Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định khác, số cổ phần công nhân viên không đăng ký mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần cho công nhân viên khác với vốn đầu tư không thu nhập hiện tại và vốn đầu tư ưu đãi chào bán cho các công nhân viên trừ trường hợp Hội đồng quản trị có chấp thuận khác hoặc pháp luật về kế toán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại kế toán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Chế độ nhân sự phi lợi nhuận

1. Công nhân của Công ty được chấp nhận nhân sự phi lợi nhuận và lợi ích của họ.

2. Chế độ phi lợi nhuận là kế toán xác định quy định và lợi ích hợp pháp của người lao động và lợi ích của họ. Chế độ phi lợi nhuận có ý nghĩa các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quy định số vốn đầu tư theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn **02 tháng** kể từ ngày thanh toán ý định mua cổ phần theo quy định tại pháp luật áp dụng phát hành cổ phần của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều lệ khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần chấp nhận nhân sự phi lợi nhuận. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chế độ nhân sự phi lợi nhuận.

4. Trường hợp cổ phiếu bán, chuyển nhượng hoặc hình thức khác thì công ty Cổ phần phải theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu bán, chuyển nhượng hoặc hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về tranh chấp phát sinh từ việc cổ phiếu mua.

Điều 8: Chế độ kế toán khác

Chế độ kế toán hoặc chế độ kế toán khác của Công ty được phát hành có thể khác nhau tùy thuộc vào pháp luật và điều kiện của Công ty.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được chuyển nhượng trừ khi điều này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa thanh toán vẫn không được chuyển nhượng và hạn chế các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cấu trúc, quản trị và kiểm soát

Cấu trúc, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng Giám đốc.

VI. CÔNG VÀ HỒI NG C

Điều 11: Quy định công

1. Công pháp thông có các quy định sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định quy tắc tiếp xúc thông qua người đại diện theo quy định hoặc hình thức khác do điều kiện công ty, pháp luật quy định. Mọi quyết định thông có mặt phải có quy định;
- b) Nhận xét về việc thực hiện hội đồng;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới từ người nắm giữ cổ phần thông của công ty;
- d) Chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách công có quy định quy định; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép nội dung công ty, biên bản họp hội đồng và Nghị quyết hội đồng;
- g) Khi Công ty ghi danh cổ phần, chứng nhận quyền sở hữu cổ phần và đăng ký cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Các chi phí bình thường. Các khoản chi cùng một loại do chi trả cho công việc của các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quy định và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải chi trả hội đồng thông qua và công bố rõ ràng cho công đồng;
- j) Các tài liệu và thông tin khác và thông tin bất thành do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Các báo cáo quy định, lợi ích hợp pháp của mình; nghĩa vụ, nghĩa vụ quy định, quy định của hội đồng, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quy định khác theo quy định của pháp luật và nội dung này.

2. Công đồng nhóm cổ đông sở hữu **5%** tổng số phần vốn thông qua có các quy định sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp hội đồng theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình hình liên quan đến quản lý, nội dung hành vi thực hiện của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải báo cáo và phải bảo đảm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, sự nghiệp pháp lý cá nhân và vị trí công việc là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc sự nghiệp pháp lý cá nhân, địa chỉ thực địa chính và vị trí công việc là thực địa; số lượng cổ phần và thời gian ký các phần của tài sản công, tổng số phần của các nhóm cổ đông và tài sản của họ trong tổng số phần của Công ty; văn bản kiểm tra, mặt tích kiểm tra;
- d) Kiểm tra và báo cáo vào chương trình họp hội đồng. Kiểm tra phải báo cáo và báo cáo của Hội đồng quản trị là **03 ngày** làm việc trước ngày khai mạc. Kiểm tra phải ghi rõ tên công đồng, số lượng người đại diện của công đồng, văn bản kiểm tra báo cáo vào chương trình họp;
- e) Các quy định khác theo quy định của pháp luật và nội dung này.

3. Công đồng nhóm cổ đông sở hữu **10%** tổng số phần vốn thông qua có quy định về việc ghi vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc ghi vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các công đồng phải thông qua thành nhóm ghi vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các công đồng để họp báo cáo khi khai mạc hội đồng;

b) Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, công đồng nhóm công quy định trong nội quy này có quyền tham gia theo quy định của Hội đồng công làm việc viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp sự đồng ý của công đồng nhóm công có thể phân bổ công việc mà họ quy định theo quy định của Hội đồng thì sự đồng ý của công đồng viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các công đồng khác.

Điều 12: Nghĩa vụ của công đồng

Công đồng phải có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán và ứng thi hành số phần cam kết mua.
2. Không rút vốn đã góp bằng cách phân phối thông ra khi Công ty đi tìm hình thức, trường hợp của Công ty hoặc người khác mua lại phần. Trường hợp có công rút phần hoặc toàn bộ vốn phần đã góp trái với quy định trong nội quy này thì công đồng có và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ nội quy công ty và Quy định quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quy định của Hội đồng công, Hội đồng quản trị.
5. Bỏ mọi các thông tin của Công ty cung cấp theo quy định nội quy công ty và pháp luật; che giấu thông tin của công đồng trước công chúng và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, ghi thông tin của Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Hội đồng công và thực hiện quy định biểu quyết/biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức trực tuyến, biểu quyết điện hoặc hình thức khác;
 - d) Ghi phiếu biểu quyết bằng văn bản thông qua thư, fax, điện thoại;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi tìm hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tindakan kinh doanh và các giao dịch khác có lợi hoặc có hại cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản chi trả nợ từ các rủi ro tài chính của Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13: Hội đồng công

1. Hội đồng công gồm tất cả công đồng có quyền biểu quyết, là cơ quan quy định cao nhất của Công ty. Hội đồng công họp thường niên ít nhất một lần và trong trường hợp

b n (04) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. H i ng qu n tr quy t nh gia h n h p i h i ng c ông th ng niên trong tr ng h p c n thi t, nh ng không quá 06 tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Ngoài cu c h p th ng niên, i h i ng c ông có th h p b t th ng. a i m h p i h i ng c ông c xác nh là n i ch t a tham d h p và ph i trên lãnh th Vi t Nam.

2. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ông th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty, c bi t thông qua báo cáo tài chính n m c ki m toán. Tr ng h p Báo cáo ki m toán báo cáo tài chính n m c a Công ty có các kho n ngo i tr tr ng y u, ý ki n ki m toán trái ng c ho c t ch i, Công ty ph i m i i di n t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty d h p i h i ng c ông th ng niên và i di n t ch c ki m toán c ch p thu n nêu trên có trách nhi m tham d h p i h i ng c ông th ng niên c a Công ty.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

- a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
- b) S l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t;
- c) Theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 c a Lu t Doanh nghi p; yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông ph i c th hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n và t p h p ch ký c a các c ông có liên quan;
- d) Theo yêu c u c a Ban ki m soát;
- e) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

- a) H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 60 ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban Ki m soát còn l i nh quy nh t i i m b kho n 3 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m c và i m d kho n 3 i u này.
- b) Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m a kho n 4 i u này thì trong th i h n 30 ngày ti p theo, Ban ki m soát thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 3 i u 140 Lu t Doanh nghi p;
- c) Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m b kho n 4 i u này thì c ông ho c nhóm c ông quy nh t i i m c kho n 3 i u này có quy n yêu c u i di n Công ty tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i Lu t Doanh nghi p; Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có th ngh C quan ng ký kinh doanh giám sát trình t , th t c tri u t p, ti n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông. T t c chi phí cho vi c tri u t p và ti n hành h p i h i ng c ông c Công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham d cu c h p i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

d) Th t c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 5 i u 140 Lu t Doanh nghi p.

i u 14: Quy n và ngh a v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông có quy n và ngh a v sau:

- a) Thông qua nh h ng phát tri n c a Công ty;
- b) Quy t nh lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán; quy t nh m c c t ch ng n m c a t ng lo i c ph n;
- c) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát;
- d) Quy t nh ut ho c bán s tài s n có giá tr t **35%** t ng giá tr tài s n tr lên c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty;
- e) Quy t nh s a i, b sung i u l công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính h ng n m;
- g) Quy t nh mua l i trên 10% t ng s c ph n ã bán c a m i lo i;
- h) Xem xét, x lý vi ph m c a thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và c ông Công ty;
- i) Quy t nh t ch c l i, gi i th Công ty;
- j) Quy t nh ngân sách ho c t ng m c thù lao, th ng và l i ích khác cho H i ng qu n tr , Ban ki m soát;
- k) Phê duy t/ S a i, b sung Quy ch qu n tr n i b ; Quy ch ho t ng H i ng qu n tr , Ban ki m soát;**
- l) Phê duy t danh sách công ty ki m toán c ch p thu n; quy t nh công ty ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra ho t ng c a Công ty, bãi mi n ki m toán viên c ch p thu n khi xét th y c n thi t;
- m) Quy n và ngh a v khác theo quy nh pháp lu t.

2. i h i ng c ông th o lu n và thông qua các v n sau:

- a) K ho ch kinh doanh h ng n m c a Công ty;
- b) Báo cáo tài chính h ng n m ã c ki m toán;
- c) Báo cáo c a H i ng qu n tr v qu n tr và k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr và t ng thành viên H i ng qu n tr ;
- d) Báo cáo c a Ban ki m soát v k t qu kinh doanh c a Công ty, k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr , T ng Giám c;
- e) Báo cáo t ánh giá k t qu ho t ng c a Ban ki m soát và thành viên Ban ki m soát;
- f) M c c t c i v i m i c ph n c a t ng lo i;
- g) S l ng thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát;
- h) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát;
- i) Quy t nh ngân sách ho c t ng m c thù lao, th ng và l i ích khác i v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát;
- j) Phê duy t danh sách công ty ki m toán c ch p thu n; quy t nh công ty ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra các ho t ng c a công ty khi xét th y c n thi t;
- k) B sung và s a i i u l công ty;

- l) Lợi ích phần và số lượng cổ phần mới được phát hành vì vì lợi ích phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng giải thể;
 - o) Quy định về thuế bán sản phẩm tài sản có giá trị **35%** tổng giá trị tài sản trên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - p) Quy định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của công ty;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với nhà cung cấp quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bình quân hàng năm **35%** tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (quy định tại khoản 2 điều 167 Luật doanh nghiệp);
 - r) Chi phí thu các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) **Phê duyệt Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;**
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
3. Tất cả các quy định và các vấn đề nêu trên đưa vào chương trình họp phi thường của Hội đồng quản trị và biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 15: Quy định tham dự Hội đồng

1. Hội đồng, nghị quyết nội dung theo quy định của công ty là tất cả các thành viên có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho **một hoặc một số cá nhân, thành viên khác** dự họp hoặc đại diện thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, thành viên đại diện dự Hội đồng theo quy định tại khoản 1 điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên công ty ủy quyền, tên cá nhân, thành viên ủy quyền, số lượng cổ phần ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.
- Ngay lập tức ủy quyền đại diện Hội đồng phải lập văn bản ủy quyền khi người ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lần đầu tiên người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của công ty, nghị quyết nội dung theo quy định của công ty là tất cả các (nếu có) thành viên ký vào Công ty).
3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu của nghị quyết ủy quyền đại diện trong phạm vi ủy quyền văn bản có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người ủy quyền.

i u kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t pl i.

i u 16: Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông i di n t **65%** t ng s phi u bi u quy t tr lên c a t t c c ông d h p thông qua. Ngh quy t i h i ng c ông v n i dung làm thay i b t l i quy n và ngh a v c a c ông s h u c ph n u ãi ch c thông qua n u c s c ông u ãi cùng lo i d h p s h u t **75%** t ng s c ph n u ãi lo i ó tr lên tán thành ho c c các c ông u ãi cùng lo i s h u t **75%** t ng s c ph n u ãi lo i ó tr lên tán thành trong tr ng h p thông qua ngh quy t d i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

2. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u 02 c ông (ho c i di n theo y quy n c a h) và n m gi t i thi u 1/3 giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ãi phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong th i h n 30 ngày t i p theo và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c t i p ho c thông qua i di n theo y quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ãi nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c t i p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

3. Th t c t i n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 19, 20 và 21 i u l này.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17: Tri u t p h p, ch ng trình h p và thông báo m i h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và b t th ng. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng theo các tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 14 i u l này.

2. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i th c hi n các công vi c sau ây:

- a) Chu n b danh sách c ông i u ki n tham gia và bi u quy t/b u c t i cu c h p i h i ng c ông. Danh sách c ông có quy n d h p i h i ng c ông c l p không quá **10 ngày** tr c ngày g i thông báo m i h p i h i ng c ông. Công ty ph i công b thông tin v vi c l p danh sách c ông có quy n tham d h p i h i ng c ông t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng;
- b) Chu n b ch ng trình, n i dung i h i;
- c) Chu n b tài li u cho i h i;

- d) Duyệt và ký quy tắc ghi nợ công theo nội dung đính kèm của phiếu;
- e) Xác nhận thời gian và địa điểm chấp thuận;
- f) Thông báo và gửi thông báo chấp thuận ghi nợ công cho tất cả các công có quy định;
- g) Các công việc khác theo yêu cầu.

3. Thông báo chấp thuận ghi nợ công gửi cho tất cả các công bằng phương thức báo cáo trực tiếp liên lạc các công, đăng tải công bố trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán niêm yết của Công ty niêm yết hoặc ký giao dịch. Ngày thực hiện chấp thuận ghi nợ công phải ghi thông báo chấp thuận các công trong Danh sách công có quy định kèm theo **21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện khác). Công trình chấp thuận ghi nợ công, các tài liệu liên quan các văn bản quy định ghi nợ công gửi cho các công hoặc đăng tải trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm thông báo chấp thuận ghi nợ công, thông báo chấp thuận phải nêu rõ ngày đăng tải đầy đủ các công có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Công trình chấp thuận, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Duyệt và ký quy tắc viết văn bản trong công trình chấp thuận.

4. Công hoặc nhóm công theo quy định tại khoản 2 điều 12 của Luật này có quyền kiến nghị vào công trình chấp thuận ghi nợ công. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải gửi đến Công ty chậm nhất **03 ngày** làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên công, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ nhân công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu công là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ số chính nếu công là tổ chức; số đăng ký và số đăng ký công ón mạng, và văn bản kiến nghị vào công trình chấp thuận.

5. Ngày thực hiện chấp thuận ghi nợ công có quy định chi tiết kiến nghị quy định tại khoản 4 của Luật này nêu cụ thể trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị gửi không đúng quy định tại khoản 4 của Luật này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, công hoặc nhóm công không nộp phạt **5%** của phần phát thông tin theo quy định tại khoản 2 của Luật này;
- c) Văn bản kiến nghị không thu đủ phí thẩm quyền quy định của ghi nợ công;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Luật này.

6. Ngày thực hiện chấp thuận ghi nợ công phải chấp nhận và kiến nghị quy định tại khoản 4 của Luật này vào đúng kiến nghị công trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại

kho n 5 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ô ng ch p thu n.

i u 18: Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ô ng

1. Cu c h p i h i ng c ô ng c ti n hành khi có s c ô ng d h p i di n **51%** t ng s phi u bi u quy t.
2. Tr ng h p cu c h p l n th nh t không i u ki n ti n hành theo quy nh t i kho n 1 i u này thì thông báo m i h p l n th hai c g i trong th i h n **30 ngày**, k t ngày d nh h p l n th nh t. Cu c h p i h i ng c ô ng l n th hai c ti n hành khi có s c ô ng d h p i di n t **33%** t ng s phi u bi u quy t tr lên.
3. Tr ng h p cu c h p l n th hai không i u ki n ti n hành theo quy nh t i kho n 2 i u này thì thông báo m i h p l n th ba phi c g i trong th i h n **20 ngày**, k t ngày d nh h p l n th hai. Cu c h p i h i ng c ô ng l n th ba c ti n hành không ph thu c vào t ng s phi u bi u quy t c a các c ô ng d h p.

i u 19: Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ô ng

1. Tr c khi khai m c cu c h p, Công ty ph i ti n hành th t c ng ký c ô ng và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ô ng có quy n d h p có m t ng ký h t theo trình t sau:

a) Khi ti n hành ng ký c ô ng, Công ty c p cho t ng c ô ng ho c i di n theo y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t/phi u bi u quy t/phi u b u c , trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ô ng, h và tên i di n theo y quy n và s phi u bi u quy t/phi u b u c c a c ô ng ó. i h i ng c ô ng th o lu n và bi u quy t theo t ng v n trong n i dung ch ng trình. Vi c bi u quy t c ti n hành b ng bi u quy t tán thành, không tán thành và không có ý ki n. K t qu ki m phi u c Ch t a/ Ban Ki m phi u công b ngay tr c khi b m c cu c h p. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch t a. S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ô ng quy t nh c n c ngh c a Ch t a cu c h p;

b) C ô ng, ng i i di n theo y quy n c a c ô ng là t ch c ho c ng i c y quy n n sau khi cu c h p ã khai m c có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t/b u c t i i h i ngay sau khi ng ký. Ch t a không có trách nhi m d ng i h i cho c ô ng n mu n ng ký và hi u l c c a nh ng n i dung ã c bi u quy t/b u c tr c ó không thay i.

2. Vi c b u ch t a, th ký, Ban ki m tra t cách c ô ng/ i bi u và Ban ki m phi u c quy nh nh sau:

a) Ch t ch H i ng qu n tr làm ch t a ho c y quy n cho thành viên H i ng qu n tr khác làm ch t a cu c h p i h i ng c ô ng do H i ng qu n tr tri u t p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên H i ng qu n tr còn l i b u m t ng i trong s h làm ch t a cu c h p theo nguyên t c a s . Tr ng h p không b u c ng i làm ch t a, Tr ng Ban ki m soát i u hành i h i ng c ô ng

b) u ch t a cu c h p trong s nh ng ng i d h p và ng i có phi u b u cao nh t làm ch t a cu c h p;

b) Tr tr ng h p quy nh t i i m a kho n này, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u hành i h i ng c ông b u ch t a cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t làm ch t a cu c h p;

c) Ch t a c m t h o c m t s ng i làm th ký cu c h p; Ban ki m tra t cách c ông/ i bi u ph c v cu c h p;

d) i h i ng c ông b u m t h o c m t s ng i vào ban ki m phi u theo ngh c a ch t a cu c h p.

3. Ch ng trình và n i dung cu c h p phi c i h i ng c ông thông qua trong phiên khai m c. Ch ng trình phi xác nh rõ và chi ti t th i gian i v i t ng v n trong n i dung ch ng trình h p.

4. Ch t a i h i có quy n th c hi n các bi n pháp c n thi t và h p lý i u hành cu c h p i h i ng c ông m t cách có tr t t , úng theo ch ng trình ã c thông qua và ph n ánh c mong mu n c a s ng i d h p.

a) B trí ch ng i t i a i m h p i h i ng c ông;

b) B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;

c) T o i u ki n cho c ông tham d (h o c t i p t c tham d) i h i. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a h o c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

5. Ng i tri u t p h p h o c ch t a cu c h p i h i ng c ông có quy n sau ây:

a) Yêu c u t t c ng i d h p ch u s ki m tra h o c các bi n pháp an ninh h p pháp, h p lý khác;

b) Yêu c u c quan có th m quy n duy trì tr t t cu c h p; tr c xu t nh ng ng i không tuân th quy n i u hành c a ch t a, c ý gây r i tr t t , ng n c n t i n tri n bình th ng c a cu c h p h o c không tuân th các yêu c u v ki m tra an ninh ra kh i cu c h p i h i ng c ông.

6. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i ng c ông ã có s ng i ng ký d h p t i a không quá 03 ngày làm vi c k t ngày cu c h p đ nh khai m c và ch c hoãn cu c h p h o c thay i a i m h p trong tr ng h p sau ây:

a) a i m h p không có ch ng i thu n t i n cho t t c ng i d h p;

b) Ph ng ti n thông tin t i a i m h p không b o m cho c ông d h p tham gia, th o lu n và bi u quy t;

c) Có ng i d h p c n tr , gây r i tr t t , có nguy c làm cho cu c h p không c t i n hành m t cách công b ng và h p pháp.

7. Tr ng h p ch t a hoãn h o c t m d ng h p i h i ng c ông trái v i quy nh t i kho n 6 i u này, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p

thay thế chủ tài sản hành xử cho nên lúc kết thúc; tất cả quy định được thông qua tại cuộc họp cổ đông hiện hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để cải thiện năng suất thông qua hợp tác đầu tư, Công ty có trách nhiệm mời các ông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị quyết 155/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20: Điều kiện Nghị quyết cải thiện năng suất thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được sự đồng ý của ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trên các tài khoản đầu tư bán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại phần và tài sản phần cần nhượng;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thay đổi, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;
- g) Vấn đề khác do điều lệ công ty quy định.

2. Các quy định được thông qua khi được sự đồng ý của hơn 51% tổng số phiếu biểu quyết trên các tài khoản đầu tư bán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quy định để cải thiện năng suất thông qua bằng 100% tổng số phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày, thực hiện và thông qua quy định có phạm vi quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Điều 21: Thẩm quyền và thủ tục ký quyết định bổ nhiệm thông qua Nghị quyết cải thiện năng suất

Thẩm quyền và thủ tục ký quyết định bổ nhiệm thông qua Nghị quyết cải thiện năng suất được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ký quyết định bổ nhiệm thông qua nghị quyết cải thiện năng suất và các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của điều lệ công ty;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Nhiệm vụ phát triển công ty;
 - d) Loại phần và tài sản phần cần nhượng;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- h) Thay i c c u t c h c q u n l ý c ô n g t y;
- i) Các v n khác khi xét th y c n thi t vì l i ích c a C ô n g t y.

2. H i ñ g q u n t r p h i c h u n b p h i u l y ý k i n , d t h o n g h q u y t i h i ñ g c ô n g , các tài li u gi i trình d t h o n g h q u y t và g i ñ t t c c ô n g c ó q u y n b i u q u y t c h m ñ t **10 ngày** tr c th i h n p h i g i l i p h i u l y ý k i n . Y ê u c u và cách th c g i p h i u l y ý k i n và tài li u k ẽ m theo c th c h i n theo quy ñ h t i k h o n 3 i u 21 i u l ñ à y .

3. Phi u l y ý k i n p h i c ó các n i d u n g c h y u s a u â y :

- a) Tên, a c h t r s c h í n h , m ã s d o a n h n g h i p ;
- b) M c í c h l y ý k i n ;
- c) H , tên, a c h l i ẽ n l c , q u c t c h , s g i y t p h á p l ý c a c á n h â n i v i c ô n g là cá n h â n ; tên, m ã s d o a n h n g h i p h o c s g i y t p h á p l ý c a t c h c , a c h t r s c h í n h i v i c ô n g là t c h c h o c h , tên, a c h l i ẽ n l c , q u c t c h , s g i y t p h á p l ý c a c á n h â n i v i i d i n c a c ô n g là t c h c ; s l ñ g c p h n c a t n g l o i và s p h i u b i u q u y t c a c ô n g ;
- d) V n c n l y ý k i n t h o n g q u a q u y t ñ h ;
- e) P h ñ g á n b i u q u y t b a o g m t á n t h à n h , k h o n g t á n t h à n h và k h o n g c ó ý k i n i v i t n g v n l y ý k i n ;
- f) T h i h n p h i g i v C ô n g t y p h i u l y ý k i n ã c t r l i ;
- g) H , tên, c h k ý c a C h t c h H i ñ g q u n t r .

4. C ô n g c ó t h g i p h i u l y ý k i n ã t r l i ñ C ô n g t y b n g h ñ n h t h c g i t h , f a x h o c t h i ñ t t h o q u y ñ h s a u â y :

- a) T r ñ g h p g i t h , p h i u l y ý k i n ã c t r l i p h i c ó c h k ý c a c ô n g là cá n h â n , c a n g i i d i n t h o q u y n h o c n g i i d i n t h o p h á p l u t c a c ô n g là t c h c . P h i u l y ý k i n g i v C ô n g t y p h i c ñ g t r o n g p h o n g b i d á n k í n và k h o n g a i c q u y n m t r c k h i k i m p h i u ;
- b) T r ñ g h p g i f a x h o c t h i ñ t , p h i u l y ý k i n g i v C ô n g t y p h i c g i b í m t n t h i i m k i m p h i u ;
- c) Các p h i u l y ý k i n g i v C ô n g t y s a u t h i h n ã x á c ñ h t i n i d u n g p h i u l y ý k i n h o c ã b m t r o n g t r ñ g h p g i t h và b t i t l t r o n g t r ñ g h p g i f a x , t h i ñ t là k h o n g h p l . P h i u l y ý k i n k h o n g c g i v c c o i là p h i u k h o n g t h a m g i a b i u q u y t .

5. H i ñ g q u n t r k i m p h i u và l p b i ẽ n b n k i m p h i u d i s c h n g k i n c a B a n k i m s o á t h o c c a c ô n g k h o n g n m g i c h c v q u n l ý C ô n g t y . B i ẽ n b n k i m p h i u p h i c ó các n i d u n g c h y u s a u â y :

- a) Tên, a c h t r s c h í n h , m ã s d o a n h n g h i p ;
- b) M c í c h và các v n c n l y ý k i n t h o n g q u a n g h q u y t ;
- c) S c ô n g v i t n g s p h i u b i u q u y t / b u c ã t h a m g i a b i u q u y t / b u c , t r o n g ó p h â n b i t s p h i u b i u q u y t / b u c h p l và s b i u q u y t / b u c k h o n g h p l và p h ñ g t h c g i p h i u b i u q u y t / b u c , k ẽ m t h o p h l c d a n h s á c h c ô n g t h a m g i a b i u q u y t / b u c ;

- d) T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý kiến i v i t ng v n , t ng s phi u b u c t ng ng viên (n u có);
- e) V n ã c thông qua và t l bi u quy t thông qua t ng ng;
- f) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u và ngh quy t ph i c g i n các c ông trong th i h n 15 ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u. V i c g i biên b n ki m phi u và ngh quy t có th thay th b ng v i c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công ty trong th i h n 24 gi , k t th i i m k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Ngh quy t c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n n u c s c ông s h u trên **50%** t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông có quy n bi u quy t tán thành và có giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22: Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông ph i c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t, có th l p thêm b ng ti ng n c ngoài và có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) Th i gian và a i m h p i h i ng c ông;
- c) Ch ng trình h p và n i dung cu c h p;
- d) H , tên ch t a và th ký;
- e) Tóm t t đi n bi n cu c h p và các ý ki n phát bi u t i cu c h p i h i ng c ông v t ng v n trong ch ng trình h p;
- f) S c ông và t ng s phi u bi u quy t c a các c ông đ h p, ph l c danh sách ng ký c ông, i đi n c ông đ h p v i s c ph n và s phi u b u t ng ng;
- g) T ng s phi u bi u quy t i v i t ng v n bi u quy t, trong ó ghi rõ ph ng th c bi u quy t, t ng s phi u h p l , không h p l , tán thành, không tán thành và không có ý ki n; t l t ng ng trên t ng s phi u bi u quy t c a c ông đ h p;
- h) T ng h p s phi u b u c t ng ng viên (n u có);
- i) Các v n ã c thông qua và t l phi u bi u quy t thông qua t ng ng;
- j) H , tên và ch ký c a ch t a và th ký. Tr ng h p ch t a, th ký t ch i ký biên b n h p thì biên b n này có hi u l c n u c t t c thành viên khác c a H i ng qu n tr tham đ h p ký và có y n i dung theo quy nh t i kho n này. Biên b n h p ghi rõ v i c ch t a, th ký t ch i ký biên b n h p.

2. Biên bản họp i h i ng c ông ph i c l p xong và thông qua tr c khi k t thúc cu c h p. Ch t a và th ký cu c h p ho c ng i khác ký tên trong biên bản họp i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên bản.

3. Biên bản c l p b ng ti ng Vi t và ti ng n c ngoài u có hi u l c pháp lý nh nhau. Tr ng h p có s khác nhau v n i dung gi a biên bản b ng ti ng Vi t và b ng ti ng n c ngoài thì n i dung trong biên bản b ng ti ng Vi t c áp d ng.

4. Ngh quy t, Biên bản họp i h i ng c ông, ph l c danh sách c ông ng ký d h p, v n b n y quy n tham d h p, t t c các tài li u ính kèm Biên bản (n u có) và tài li u có liên quan kèm theo thông báo m i h p ph i l u gi t i tr s chính c a Công ty.

Ngh quy t, Biên bản họp i h i ng c ông và tài li u kèm theo trong biên bản, ngh quy t ph i c công b thông tin theo quy nh pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán.

i u 23: Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông

Trong th i h n 90 ngày k t ngày nh n c ngh quy t ho c biên bản họp i h i ng c ông ho c biên bản k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 Lu t Doanh nghi p có quy n yêu c u Tòa án ho c Tr ng tài xem xét, h y b ngh quy t ho c m t ph n n i dung ngh quy t i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t , th t c tri u t p h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông vi ph m nghiêm tr ng quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty, tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 20 i u l này.

2. N i dung ngh quy t vi ph m pháp lu t ho c i u l này.

VII. H I NG QU N TR

i u 24: ng c , c thành viên H i ng qu n tr

1. Tr ng h p ã xác nh c ng c viên H i ng qu n tr , Công ty ph i công b thông tin liên quan n các ng c viên t i thi u 10 ngày tr c ngày khai m c h p i h i ng c ông trên trang thông tin i n t c a Công ty c ông có th tìm hi u v các ng c viên này tr c khi b phi u. ng c viên H i ng qu n tr ph i có cam k t b ng v n b n v tính trung th c, chính xác c a các thông tin cá nhân c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c, c n tr ng và vì l ích cao nh t c a Công ty n u c b u làm thành viên H i ng qu n tr . Thông tin liên quan n ng c viên H i ng qu n tr c công b bao g m:

- a) H tên, ngày, tháng, n m sinh;
- b) Trình chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các ch c danh qu n lý khác (bao g m c ch c danh H i ng qu n tr c a công ty khác);
- e) L ích có liên quan t i Công ty và các bên có liên quan c a Công ty;
- f) Các thông tin khác (n u có) theo quy nh t i i u l công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà các thành viên đang nắm giữ cổ phiếu và thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của các thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Công hoc nhóm công suất **10%** tăng số phần trăm thông tin lên có quy định của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các công hoc nhóm công suất phần trăm thông tin có quy định như sau: quy định của các thành viên Hội đồng quản trị. Công hoc nhóm công suất 10% ứng với 20% tăng số phần trăm quy định của các thành viên; 20% ứng với 30% các thành viên; 30% ứng với 40% các thành viên; 40% ứng với 50% các thành viên; 50% ứng với 65% các thành viên; 65% trở lên các thành viên (07) thành viên.

3. Trường hợp số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thông qua các và các thành viên không số lượng các thành viên theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ mời thêm các thành viên hoc theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy định nội bộ quản trị công ty và Quy định hoc của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị mời thêm các thành viên phần trăm công bố rõ ràng trước khi mời các thành viên hoc quy định của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25: Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **05** người.

2. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm nhiệm vụ không hạn chế. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc thực hiện nhiệm vụ thì các thành viên có tính là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bổ nhiệm thay thế và tiếp quản công việc.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Các thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải mời một số ít nhất là **1/3 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không liên quan**. Công ty hạn chế mời thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty mời một số ít nhất của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tồn tại thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị hạn chế công việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là công nhân của Công ty.

Điều 26: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của công ty, thực hiện các quy định và nghĩa vụ thu nhập quy định của các thành viên hoc.

2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ công ty và nghị quyết công ty quy định. Các Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quy định và nghĩa vụ sau:
- a) Quy định chính sách, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Kiểm soát hiệu quả và tính sẵn sàng của quy định chào bán các tài sản;
 - c) Quy định bán các phần vốn của công ty trong phạm vi sẵn sàng của quy định chào bán các tài sản; quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quy định giá bán các phần vốn và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quy định mua lại các phần vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quy định phân phối lợi nhuận và dự trữ trong phạm vi quy định và ghi nhận theo quy định của pháp luật;
 - g) Quy định ghi chép phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị **35%** tổng giá trị tài sản tăng lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc phạm vi quy định quy định của Hội đồng công ty theo quy định tại điều 138, khoản 1 và khoản 3 điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quy định; quy định tuyển dụng, thôi việc và lợi ích khác của nhân viên quản lý; cử người đi đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng công ty khác, quy định mức thù lao và quy định khác của nhân viên;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k) Quy định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và văn phòng góp vốn, mua các phần vốn của doanh nghiệp khác;
 - l) Duy trì chương trình, nội dung tài liệu phổ biến về Hội đồng công ty, tri thức phổ biến về Hội đồng công ty hoặc lý do khác của Hội đồng công ty thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã kiểm toán lên Hội đồng công ty;
 - n) Kiểm soát các rủi ro; quy định thị trường và thị trường chứng khoán và lý do phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiểm soát việc thanh lý, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quy định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ quản trị công ty sau khi được Hội đồng công ty thông qua; quy định ban hành Quy chế hoạt động của ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các nhân viên trong công ty.

- r) Ng i quy n lý c yêu c u ph i cung c p k p th i, y và chính xác thông tin, tài li u theo yêu c u c a thành viên H i ng qu n tr . Trình t , th t c yêu c u và cung c p thông tin c quy nh c th t i Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr .
- s) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l công ty.

3. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr theo quy nh t i i u 280 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 27: Thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr

1. Công ty có quy n tr thù lao, th ng cho thành viên H i ng qu n tr theo k t qu và hi u qu kinh doanh.
2. Thành viên H i ng qu n tr c h ng thù lao công vi c và th ng. Thù lao công vi c c tính theo s ngày công c n thi t hoàn thành nhi m v c a thành viên H i ng qu n tr và m c thù lao m i ngày. H i ng qu n tr đ tính m c thù lao cho t ng thành viên theo nguyên t c nh t trí. T ng m c thù lao và th ng c a H i ng qu n tr do i h i ng c ông quy t nh t i cu c h p th ng niên.
3. Thù lao c a t ng thành viên H i ng qu n tr c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, c th hi n thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty và ph i báo cáo i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên.
4. Thành viên H i ng qu n tr n m gi ch c v i u hành ho c thành viên H i ng qu n tr làm vi c t i các t i u ban c a H i ng qu n tr ho c th c hi n nh ng công vi c khác ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên H i ng qu n tr , có th c tr thêm thù lao đ i đ ng m t kho n ti n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c đ i hình th c khác theo quy t nh c a H i ng qu n tr .
5. Thành viên H i ng qu n tr có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên H i ng qu n tr c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham đ các cu c h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ho c các t i u ban c a H i ng qu n tr .
6. Thành viên H i ng qu n tr có th c Công ty mua b o hi m trách nhi m sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông. B o hi m này không bao g m b o hi m cho nh ng trách nhi m c a thành viên H i ng qu n tr liên quan n vi c vi ph m pháp lu t và i u l công ty.

i u 28: Ch t ch H i ng qu n tr

1. Ch t ch H i ng qu n tr do H i ng qu n tr b u, mi n nhi m, bãi nhi m trong s các thành viên H i ng qu n tr .
2. Ch t ch H i ng qu n tr không c kiêm T ng Giám c.
3. Ch t ch H i ng qu n tr có quy n và ngh a v sau ây:
 - a) L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H i ng qu n tr ;

- b) Chuẩn bị công trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triểu tập, chuẩn bị và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quy tắc nội bộ của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quy tắc nội bộ của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp hội đồng;
- f) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy tắc nội bộ Luật Doanh nghiệp và nội quy này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có một trong các bổ nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận được một trong các bổ nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thì phải quy định bổ nhiệm bổ nhiệm cho một thành viên khác thực hiện quy định và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, vắng mặt hành hình phạt tù, vắng mặt hành hình biện pháp xử lý hành chính tịch thu quyền hành nghề, mất quyền hành nghề, mất quyền hành nghề, bị Tòa án cấp thẩm quyền xử phạt, mất quyền hành nghề hoặc làm công việc khác thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quy tắc nội bộ của Hội đồng quản trị.

Điều 29: Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì và điều khiển cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng quản trị đầu tiên. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc một người có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất **mười lần** và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có nghị quyết của Ban kiểm soát;
- b) Có nghị quyết của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có nghị quyết của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp cần thiết khác.

4. Nghị quyết nội bộ trong 3 tháng này phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản, nội dung và quy tắc nội bộ thu nhập của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết nội bộ trong 3 tháng này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nghị quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người nghị quyết thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện pháp luật của Hội đồng quản trị phải gửi thông báo miệng kèm theo tài liệu gốc và bản sao công chứng và phiếu ủy quyền của thành viên.

Thông báo miệng của Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mặt, điện thoại, fax, phương tiện thông tin khác do đơn vị công ty quy định và báo cáo ngay cho các thành viên Hội đồng quản trị công chứng tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện pháp luật phải gửi thông báo miệng và các tài liệu kèm theo cho các thành viên Ban Kiểm soát và các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền đề xuất nhưng không bắt buộc quy định.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp chỉ tiến hành theo quy định thì hai trong số thành viên đại diện của Hội đồng quản trị phải có mặt. Trường hợp này, cuộc họp chỉ tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và ủy quyền tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và ủy quyền trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đồng ý và ủy quyền theo quy định tại khoản 11 của Điều lệ này;
- c) Tham dự và ủy quyền thông qua người đại diện được ủy quyền, bằng điện thoại hoặc hình thức khác;
- d) Gửi phiếu ủy quyền bằng văn bản thông qua thư, fax, điện thoại;

10. Trường hợp gửi phiếu ủy quyền bằng văn bản thông qua thư, phiếu ủy quyền phải niêm phong bì dán kín và phải chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu ủy quyền chỉ có hiệu lực nếu được ký và đóng dấu của người ủy quyền.

11. Ủy quyền

- a) Trường hợp ủy quyền ít nhất là 30 ngày trước, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện ủy quyền theo quy định tại khoản 9 của Điều lệ này trực tiếp có mặt và cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu ủy quyền;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không bắt buộc ủy quyền về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xử lý mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tổng số thành viên tại thời điểm có mặt có thể thực hiện cuộc họp Hội đồng quản trị về những quy định mà thành viên đó không có quyền ủy quyền;
- c) Theo quy định ít nhất là 30 ngày trước, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến lợi ích hoặc quyền ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện ủy quyền bắt buộc ủy quyền, phán quyết của Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng,

trưng hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan của công ty;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị không liên quan quy định tại Điều 11 và Điều 16 khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;
- e) Thành viên Ban kiểm soát có quy định của Hợp Hội đồng quản trị, có quy định hoặc không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp không liên quan hoặc giao dịch cá nhân ký kết hoặc đứng tên ký kết với Công ty và bất kỳ bên thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị và vì ký kết hợp đồng giao dịch này. Trưng hợp thành viên Hội đồng quản trị không bất kỳ bên thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch cá nhân ký kết với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biểu thị rằng mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được quy định cho người khác đại diện và biểu quyết nếu các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu các thành viên đại diện tán thành; trưng hợp sơ bộ ngang nhau thì quy định cụ thể cùng được quyết định bởi đa số thành viên Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền ký kết các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử hoặc bằng Email hoặc phương tiện khác thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các văn bản quy định của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức ký kết bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử hoặc bằng Email hoặc phương tiện khác được thông qua trên cơ sở ký kết tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quy định biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức họp trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý đồng ý khác nhau với điều kiện là tất cả các thành viên tham gia họp có thể:

- a) Nghe tiếng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc chấp thuận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Điều kiện của cuộc họp được thực hiện theo quy định này là tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, hoặc tất cả các thành viên có mặt tại cuộc họp.

Các quy định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được thực hiện và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp bằng phương tiện kỹ thuật khác nhau bằng các kỹ thuật biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm ghi biên bản họp Hội đồng quản trị từ các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã thực hiện trong cuộc họp từ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ghi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tịch và người ghi biên bản.

Điều 30: Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn của ủy ban trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, marketing, kế toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **03 người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không được hành sự chỉ mẫn trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiêu chuẩn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có số thành viên tham dự và bị quyết định thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của công ty, Quy định nội bộ quản trị công ty.

Điều 31: Nghĩa vụ trách nhiệm của công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải thực hiện nhiệm vụ 01 nghĩa vụ trách nhiệm của công ty như sau: công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Nghĩa vụ trách nhiệm của công ty có thể kiêm nhiệm làm Thủ ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Nghĩa vụ trách nhiệm của công ty không bao gồm những việc cho thuê kế toán của công ty thuê ngoài hoặc thuê kế toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Nghĩa vụ trách nhiệm của công ty có quy định và nghĩa vụ sau:

- c) Tạo dựng Hội đồng quản trị trong vị trí chấp hành hiệu quả công việc theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và công đồng;
- d) Chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và hiệu quả công việc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- e) Tạo dựng và thực hiện các cuộc họp;
- f) Tham dự các cuộc họp;
- g) Tạo dựng và thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Cung cấp các thông tin tài chính, báo cáo biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là một mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- k) Báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội bộ công ty;
- l) Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nội bộ này.

VIII. T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

i u 32: T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và ch u s giám sát, ch o c a H i ng qu n tr trong công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty. Công ty có T ng Giám c, các Phó T ng Giám c, K toán tr ng và **các ch c danh qu n lý khác do H i ng qu n tr b nhi m**. Vi c b nhi m mi n nhi m, bãi nhi m các ch c danh nêu trên ph i c thông qua b ng ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .

i u 33: Ng i i u hành Doanh nghi p

1. Theo ngh c a T ng Giám c và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c tuyền d ng ng i i u hành khác v i s l ng và tiêu chu n phù h p v i c c u và quy ch qu n lý c a Công ty do H i ng qu n tr quy nh. Ng i i u hành doanh nghi p ph i có trách nhi m h tr Công ty t c các m c tiêu ra trong ho t ng và t ch c.
3. T ng Giám c c tr l ng và th ng. Ti n l ng và th ng c a T ng Giám c do H i ng qu n tr quy t nh.
4. **Ti n l ng c a ng i i u hành c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, c th hi n thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty và ph i báo cáo i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên.**

i u 34: B nhi m, mi n nhi m, quy n và ngh a v c a T ng Giám c

1. H i ng qu n tr b nhi m 01 thành viên H i ng qu n tr ho c thuê ng i khác làm T ng Giám c.
2. T ng Giám c là ng i i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty; ch u s giám sát c a H i ng qu n tr ; ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và tr c pháp lu t v vi c th c hi n quy n, ngh a v c giao.
3. Nhi m k c a T ng Giám c **không quá 05 n m** và có th c b nhi m l i v i s nhi m k không h n ch . T ng Giám c ph i áp ng các tiêu chu n, i u ki n theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.
4. T ng Giám c có các quy n và ngh a v sau:
 - a) Quy t nh các v n liên quan n công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty mà không thu c th m quy n c a H i ng qu n tr ;
 - b) T ch c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr ;
 - c) T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án ut c a Công ty;
 - d) K n ngh ph ng án c c ut ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty;
 - e) B nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m các ch c danh qu n lý trong Công ty, tr c các ch c danh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr ;
 - f) Quy t nh ti n l ng và l i ích khác i v i ng i lao ng trong Công ty, k c ng i qu n lý thu c th m quy n b nhi m c a T ng Giám c;
 - g) Tuyền d ng lao ng;

- h) Kiến nghị phương án trả nợ cho các lý lẽ trong kinh doanh;
 - i) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, và các quy định nội bộ của công ty và quy định, quy định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đã trở thành viên Hội đồng quản trị có quy định quy định để phân tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35: Thủ ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quy định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty với nhiệm kỳ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Thủ ký công ty có quy định và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ các trụ sở pháp lý, tài chính, pháp lý, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quy định và nghĩa vụ giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ công đồng và báo cáo quy định, lợi ích hợp pháp của công đồng; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện hành chính;
- e) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định nội bộ Công ty, Quy định nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định nội bộ, Điều 25 Điều lệ này. Công đồng giám sát phân bổ quy định bổ nhiệm giám sát quy định bổ nhiệm quy định các thành viên Ban kiểm soát. Công đồng hoặc nhóm công đồng giám sát 10% đến 30% số thành viên có quy định bổ nhiệm quy định các thành viên (01) Thành viên Ban kiểm soát; từ 30% đến 40% số thành viên có quy định bổ nhiệm quy định các thành viên Ban kiểm soát; từ 40% đến 50% số thành viên có quy định bổ nhiệm quy định các thành viên Ban kiểm soát; từ 50% đến 60% số thành viên có quy định bổ nhiệm quy định các thành viên Ban kiểm soát từ 60% trở lên số thành viên (05) thành viên.
2. Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua và bổ nhiệm không số lượng cần thiết, Ban kiểm soát có nhiệm vụ bổ nhiệm thêm thành viên hoặc thực hiện theo quy định nội bộ công ty, Quy định nội bộ quản trị công ty và Quy định hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát bổ nhiệm giám sát thêm thành viên phải công bố rõ ràng trước khi bổ nhiệm công đồng bổ nhiệm quy định bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37: Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là **03 người**. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định nội bộ 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán cấp thấp nhất của kế toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liên tiếp.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bổ nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 điều này;

b) Có nợ thuế và các chi phí thuế;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bổ nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiệm vụ, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều này công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 38: Trường hợp Ban kiểm soát

1. Trường hợp Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bổ nhiệm trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc sau. Ban kiểm soát phải có hình thức thành viên thường trú Việt Nam. Trường hợp Ban kiểm soát phải có bằng chứng ghi chép trên thực tế trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kế toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan hoặc ngành kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quy định và nghĩa vụ của Trường hợp Ban kiểm soát:

a) Trách nhiệm của Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình hiện hành của pháp luật.

Điều 39: Quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quy định, nghĩa vụ theo quy định tại điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quy định, nghĩa vụ sau:

1. Xuất, kiến nghị hiện hành của pháp luật phê duyệt danh sách thành viên kế toán cấp thấp nhất của kế toán Báo cáo tài chính của Công ty; quy định thành viên kế toán cấp thấp nhất của kế toán tra soát của Công ty, bổ nhiệm kế toán viên cấp thấp nhất khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Kiểm soát nội bộ hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và công đồng.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội bộ của công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Hội đồng công đồng thông qua.

7. Báo cáo tình hình Hội đồng công đồng theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quy định về nhân sự, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng khác; có quy định về nhiệm vụ của các thành viên quản lý và nhân viên của Công ty trong giữ gìn tài liệu.

9. Có quy định yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp ý kiến, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nội bộ này.

Điều 40: Cấu thành của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 thành viên trong đó có thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát phải có chữ ký và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quy định yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người đi kiểm toán độc lập tham dự và trình bày các vấn đề cần làm rõ.

Điều 41: Nhiệm vụ, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có nhiệm vụ, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Hội đồng công đồng. Hội đồng công đồng quy định nhiệm vụ, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải thanh toán chi phí, chi phí, chi phí sử dụng dịch vụ và chi phí vận hành khác. Tổng thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Hội đồng công đồng chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng công đồng có quy định khác.

3. Nhiệm vụ và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát phải tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp

luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI U HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc và người đi u hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, công minh vì lợi ích của Công ty.

Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ sử dụng những thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch của Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên và liên quan đến chính sách kinh doanh của Công ty. Trong các giao dịch nêu trên do Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy định này theo quy định của pháp luật. Trong các giao dịch nêu trên do Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được bị quy định về giao dịch mang lợi ích cho thành viên hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và luật công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các cá nhân này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch của Công ty vì mục đích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc, người đi u hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các cá nhân này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trong giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tng Giám đốc, người đi u hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính của thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Trong giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dựa trên giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này

c. Công nhân quản lý và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đi hành khác đã công bố cho các công đồng và công nhân công đồng thông qua bảng phi thuế quy tắc của các công đồng không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty và công đồng sở hữu 51% tổng số phần cổ quyền bị quy định trên hoặc người có liên quan của công đồng đã công bố cho các công đồng và công nhân công đồng thông qua bảng phi thuế quy tắc của các công đồng không có lợi ích liên quan.

Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bất thành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người đi hành khác vì phạm pháp, trách nhiệm trung thực và trung thành, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do hành vi phạm pháp của mình gây ra.

2. Công ty bất thành cho nhà quản lý, người lao động có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đi hành khác, nhân viên hoặc cố vấn của Công ty quy định hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Công ty, hành động trung thực, trung thành vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bất kỳ sự xác nhận riêng của người đó về phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bất thành bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuế luật sư) hoặc coi là hợp lý khi ghi quy định trong vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho nhà quản lý này tránh những trách nhiệm bất thành nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH CỦA SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44: Quy định của sách và hồ sơ

1. Công đồng có quy định của sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Công đồng có quy định xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách công đồng có quyền bị quy định; yêu cầu sai thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép tài liệu công ty, biên bản họp hội đồng công đồng và nghị quyết hội đồng công đồng;

b) Công đồng hoặc nhóm công đồng sở hữu 5% tổng số phần thông tin trên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính gần nhất và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phi thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp cố vấn quy định của công đồng và nhóm công đồng yêu cầu tra cứu sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy quy định của công đồng và nhóm công đồng mà người đi hành hoặc bản sao công chứng của giấy quy định này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người đại diện hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký công của Công ty, danh sách công, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì nhu cầu liên quan tới công việc của mình vì người đại diện các thông tin này phải công bố.

4. Công ty phải lưu giữ tài liệu này và những bản sao bổ sung tài liệu, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định sử dụng tài sản, nghị quyết Hội đồng công và Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng công và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt khác vì người đại diện là các công và Cơ quan đăng ký kinh doanh công thông báo và đại diện lưu trữ các tài liệu này.

5. Tài liệu công ty phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45: Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, thôi việc, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật vì người lao động và người đại diện hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên của Công ty về các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nhân sự thông lệ và chính sách quy định tài liệu này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LI NHU N

Điều 46: Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng công quy định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm và lợi nhuận công lợi của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tín dụng cổ tức hay khoản tín dụng chi trả liên quan tới mặt lợi công phi lợi.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Hội đồng công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức công phi lợi và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tín dụng khác liên quan tới mặt lợi công phi lợi của chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền cho Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do công cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công cung cấp mà công có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín dụng Công ty đã chuyển cho công này. Việc thanh toán cổ tức về các công phi lợi năm y/ người ký giao dịch tại S giao dịch chứng khoán có thể thực hiện hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Các Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định mặt ngày chốt danh sách cổ đông. Các theo ngày đó, nhà quản lý ký viết cách công bố công bố các chứng khoán khác quy định nhà công bố thông tin mặt hồ sơ phiếu, nhà thông báo hồ sơ tài liệu khác.

6. Các văn bản khác liên quan phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NẾM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sơ đồ phụ thuộc các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc ngoài Việt Nam tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48: Nếem tài chính

Nếem tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Nếem tài chính ưu tiên bắt đầu ngày công bố kết quả kinh doanh nhà quản lý doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm sau ngày công bố kết quả kinh doanh đó.

Điều 49: Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc biệt có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Nội dung hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải minh bạch và ghi trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tính trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng đơn vị ngoại tệ thì có thể chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tính trong kế toán, chịu trách nhiệm về lỗi của chế độ pháp luật và thông báo cho các quan quản lý thuế tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải kiểm toán theo quy định pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã kiểm toán theo quy định pháp luật và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho các quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52: Kiểm toán

1. Hội đồng công chứng năm của công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các năm này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những rủi ro và rủi ro kiểm toán thu nhập của Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán độc lập kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cũng tham dự các cuộc họp hội đồng công chứng và các quy định về các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp hội đồng công chứng và các phát biểu ý kiến từ hội đồng công chứng có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DUYỆT VÀ DOANH NGHIỆP

Điều 53: Duyệt và doanh nghiệp

1. Duyệt và doanh nghiệp là làm việc của các thành viên độc lập hoặc độc lập để hình thức ký sự theo quy định của pháp luật giao dịch.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại, số lượng, hình thức và nội dung duyệt và doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và quản lý duyệt và doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Điều 54: Giới thiệu công ty

1. Công ty có thể giới thiệu trong những trường hợp sau:

a) Theo quy định, quy định của hội đồng công chứng;

b) Bộ phận Giới thiệu kinh doanh ký doanh nghiệp, trường hợp Luật Quản lý thu có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Vì c ghi i th Công ty tr c th i h n do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh ghi i th này ph i c thông báo ho c ph i c ch p thu n b i c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 55: Thanh lý

1. T i thi u 06 tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty ho c sau khi có quy t nh ghi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m 03 thành viên, trong ó 02 thành viên do i h i ng c ông ch nh và 01 thành viên do H i ng qu n tr ch nh t 01 công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên c a Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho C quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Tòa án và các c quan hành chính.

3. Ti n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các kho n n l ng, tr c p thôi vi c, b o hi m xã h i và các quy n l i khác c a ng i lao ng theo th a c lao ng t p th và h p ng lao ng ã ký k t;
- c) N thu ;
- d) Các kho n n khác c a Công ty;
- e) Ph n còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (d) trên ây c chia cho các c ông. Các c ph n u ã c u tiên thanh toán tr c.

XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 56: Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p, khi u n i liên quan t i ho t ng c a Công ty, quy n và ngh a v c a các c ông theo quy nh t i Lu t Doanh nghi p, i u l công ty, các quy nh pháp lu t khác ho c th a thu n gi a:

- a) C ông v i Công ty;
- b) C ông v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng Giám c hay ng i i u hành khác;

Các bên liên quan c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hòa gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr ho c Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và yêu c u t ng bên trình bày các thông tin liên quan n tranh ch p trong vòng 30 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu c u Tr ng Ban Ki m soát ch nh m t chuyên gia c l p làm trung gian hòa gi i cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh hòa gi i trong vòng 45 ngày t khi b t u quá trình hòa gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hòa gi i không c các bên ch p nh n, m t bên có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài ho c Tòa án.

3. Các bên thực thu chi phí có liên quan thì thực thanh lý và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. B SỬ DỤNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 57: Sử dụng công ty

1. Việc sử dụng, bổ sung sử dụng này phải có sự đồng ý của công đồng xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản sử dụng này hoặc trường hợp pháp luật mới khác với điều khoản trong sử dụng này thì áp dụng quy định có hiệu lực hiện hành của Công ty.

XXI. NGÀY HI SỬ DỤNG

Điều 58: Ngày sử dụng

1. Bản sử dụng này gồm 21 mục, 58 điều có hiệu lực của Công ty có phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang nhất trí thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận sử dụng toàn văn của sử dụng này.
2. Sử dụng có giá trị thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải có chữ ký của chính chủ của Công ty.
3. Sử dụng này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục sử dụng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Long Xuyên, ngày 18 tháng 06 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHÂU DUY CƯỜNG